

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 19-01-2022  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN G, TỈNH L**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thùy;
2. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần G.

Trong ngày 19 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần G, tỉnh L, Tòa án nhân dân huyện Cần G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174/2021/TLST-HNGĐ, ngày 19/11/2021, về “ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày: 04/01/2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Anh Phạm Minh G, sinh năm: 1977.

Nơi cư trú: Ấp Phước L, xã Phước L, huyện Cần G, tỉnh L.

*2. Bị đơn:* Chị Lê Thị Mộng T, sinh năm: 1980.

Nơi cư trú: Ấp Phước L, xã Phước L, huyện Cần G, tỉnh L.

**NỘI HIỆN VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 26/10/2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là anh Phạm Minh G trình bày:*

Anh Phạm Minh G và chị Lê Thị Mộng T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2000 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước L, huyện Cần G, tỉnh L vào ngày 28/7/2004. Hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc trong thời gian đầu. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh G trình bày do anh G sống như vợ chồng với bà Đặng Thanh T, sinh năm: 1982, địa chỉ: Ấp Ci, xã Phước L, huyện Bến L, tỉnh L và có con riêng trong thời gian sống chung với chị T. Chị T không chăm sóc cho cuộc sống gia đình, con chung. Anh G còn cho rằng chị T có người đàn ông khác bên ngoài. Chị T và anh G mâu

thuần nhiều mặt trong cuộc sống, nhất là về kinh tế gia đình. Hiện tại, chị T cũng thuê nhà trọ sống riêng. Vợ chồng hiện tại không còn quan tâm đến nhau và không còn sống chung khoảng 02 năm nay. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh G yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Anh G yêu cầu ly hôn với chị T

Về con chung: Anh G và chị T có con chung tên là Phạm Thiên L, sinh ngày 19/9/2009 và Phạm Minh T, sinh ngày 22/9/2001. Khi ly hôn anh G yêu cầu nuôi cháu Phạm Thiên L, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn là chị Lê Thị Mộng T trình bày:*

Chị T thống nhất với lời trình bày của anh G về thời điểm cưới nhau, việc đăng ký kết hôn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn theo như anh G trình bày thì chị T không đồng ý. Vợ chồng sống chung hạnh phúc được 10 năm, từ khi chị T sinh cháu Lạc thì anh G có mối quan hệ với người phụ nữ khác, hiện có con riêng với nhau, chị T biết sự việc này từ năm 2009 nhưng vẫn chấp nhận. Anh G và chị T sống chung thường hay cự cãi bất đồng về chuyện tình cảm, kinh tế trong gia đình. Chị T không thuê nhà trọ và không có quan hệ với người đàn ông khác như anh G trình bày, mà chị T sinh hoạt tại sạp bán ở chợ Bình C. Trước khi dịch bệnh Covid bùng phát trong năm 2021, chị T đi về mỗi ngày giữa nhà và nơi bán ở chợ Bình C, nhưng sau đó thì không về thăm nhà do sợ lây bệnh cho người thân trong thời gian dịch bệnh đạt đỉnh. Hiện tại, vợ chồng không còn sống chung từ tháng 5/2021 đến nay. Anh G yêu cầu ly hôn thì chị T không đồng ý do chị T còn thương anh G, muốn được về chung sống để đoàn tụ với chồng con.

*Về con chung:* Anh G và chị T có con chung tên là Phạm Thiên L, sinh ngày 19/9/2009 và Phạm Minh T, sinh ngày 22/9/2001. Quá trình giải quyết vụ án, chị T đồng ý để anh G nuôi dưỡng cháu L. Tại phiên tòa, chị T yêu cầu nuôi dưỡng cháu L. Mức cấp dưỡng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung, về nợ chung:* Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc được pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 của các Điều 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 86 ngày 28/7/2004 do Ủy ban nhân dân xã Phước L, huyện Cần G, tỉnh L cấp thì anh Phạm Minh G và chị Lê Thị Mộng T là vợ chồng hợp pháp.

[2.2] Anh G và chị T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2004, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh G trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, anh G có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và có con riêng. Chị T cũng biết sự việc này, chị T không có ngoại tình như anh G đã trình bày. Hội đồng xét xử xét thấy, anh G và chị T trình bày nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là có sự khác nhau, nhưng anh G và chị T đều xác định là anh G sống chung như vợ chồng với người phụ nữ khác. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có mở phiên hòa giải, nhưng anh chị không thể đoàn tụ được. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh G và chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của anh G là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Anh G và Chị T có con chung tên là Phạm Thiên L, sinh ngày 19/9/2009 và Phạm Minh T, sinh ngày 22/9/2001. Khi ly hôn, anh G và chị T yêu cầu nuôi cháu Phạm Thiên L, không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Tuấn đã trưởng thành nên không xem xét; hiện cháu L vẫn đang do anh G trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, điều kiện sống của cháu đã ổn định. Căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao anh G nuôi dưỡng cháu L, việc này cũng phù hợp với ý kiến của cháu L trình bày tại phiên tòa. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh G, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[2.4] Về án phí: Anh G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2.5] Ngoài ra, tại điểm c khoản 2 Điều 5 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 đã quy định cấm hành vi: “*Người đang có vợ, có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác hoặc chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người đang có chồng, có vợ;*”. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Minh G đang có vợ là chị Lê Thị Mộng T (Giấy chứng nhận kết hôn số 86 ngày 28/7/2004 do Ủy ban nhân dân xã Phước L, huyện Cần G, tỉnh L), nhưng lại đang chung sống như vợ chồng và có con với bà Đặng Thanh Tuyền, sinh năm: 1982, địa chỉ: Ấp C, xã Phước L, huyện Bến L, tỉnh L. Hành vi này của anh G đã vi phạm đoạn 2 Khoản 2 Điều 4 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000, điểm c khoản 2 Điều 5 của Luật Hôn nhân

gia đình năm 2014. Do đó, kiến nghị Ủy ban nhân dân xã Phước L xử lý đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình của đương sự theo quy định tại Điều 59 Nghị định 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Anh G cho rằng chị T có quan hệ với người đàn ông khác bên ngoài, nhưng không đưa ra chứng cứ chứng minh, chị T không thừa nhận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 35, 39 và 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 85 và 86 của Luật Hôn nhân và gia đình; Áp dụng khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Minh G đối với chị Lê Thị Mộng T.

1. *Về hôn nhân:* Anh Phạm Minh G được ly hôn với chị Lê Thị Mộng T.
2. *Về con chung:* Anh Phạm Minh G trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Phạm Thiên L, sinh ngày 19/9/2009. Chị Lê Thị Mộng T không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về án phí:* Anh Phạm Minh G phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Tạm ứng án phí anh G đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án

phí số 00012661, ngày 19/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc chuyển sang án phí sung quỹ Nhà nước.

4. Kiến nghị Ủy ban nhân dân xã Phước L, huyện Cần G, tỉnh L xử lý đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hôn nhân gia đình của anh Phạm Minh G.

Án sơ thẩm, đương sự có mặt kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện Cần G;
- Chi cục THADS huyện Cần G;
- UBND xã P, huyện Cần G;
- Đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thanh Vân**

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa

**Phạm Thị Tuyết Nhung-Nguyễn Thị Kim Cương**

**Nguyễn Thị Thanh Vân**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- UBND xã Phước Lại;
- Đường sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đoàn Thanh Lâm**

